

UBND HUYỆN GIA LÂM
TRƯỜNG MN TT YÊN VIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 38 / MNTTYV
(V/v báo cáo thực hiện công
dự toán NSNN năm 2021)

Yên Viên, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: - PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH HUYỆN GIA LÂM
- PHÒNG GD&ĐT HUYỆN GIA LÂM

- Căn cứ Quyết định số 10888/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của UBND Huyện Gia Lâm về việc Giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của huyện Gia Lâm

Trường mầm non thị trấn Yên Viên đã thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của huyện Gia Lâm theo đúng quy định. Nay trường chúng tôi xin báo cáo nội dung, hình thức và thời gian dự toán ngân sách năm 2021 như sau:

1/Nội dung công khai

Công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 (Có biểu đính kèm)

2/Hình thức công khai:

- Đơn vị thực hiện công khai bằng văn bản trong hội nghị theo đúng biểu mẫu quy định
- Niêm yết công khai tại bảng tin phòng hội đồng trong thời gian 3 tháng kể từ ngày niêm yết.

3/Thời gian công khai

Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi cấp có thẩm quyền giao bổ sung dự toán năm 2021.

Cụ thể như sau:

Công khai phân bổ dự toán ngân sách huyện năm 2021 kể từ ngày 26/12/2020 đến ngày 26/3/2021.

4/ Kết luận công khai

Đơn vị đã thực hiện công khai theo đúng quy định

HIỆU TRƯỞNG



Trưởng Thị Hải Yến

Đơn vị: Trường mầm non Thị trấn Yên Viên
Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Báo cáo số 38 /MNTTYV ngày 26/3/2021 của Trường mầm non Thị trấn Yên Viên)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	2,099,607,000
I	Số thu phí, lệ phí	2,099,607,000
1.1	Học phí	943,857,000
1.2	Các khoản thu khác	1,155,750,000
	Chăm sóc bán trú	735,750,000
	Thứ 7	256,500,000
	Học phẩm	81,750,000
	TTB phục vụ BT	81,750,000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	943,857,000
1	Chi sự nghiệp.....	943,857,000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	943,857,000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,155,750,000
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5,493,000,000
	Chi thanh toán cá nhân	4,478,141,016

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Chè nước CBCC	0
	Thông tin liên lạc	13,400,000
	Hội nghị	0
	Thanh toán dịch vụ công cộng	284,200,000
	Chi phí thuê mướn	35,000,000
	Vật tư văn phòng	45,000,000
	Thanh toán công tác phí	26,400,000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	274,358,984
	Chi mua sắm TS vô hình	25,000,000
	Sửa chữa tài sản phục vụ CM	24,000,000
	Chi khác	26,500,000
	KP tiết kiệm 10% CCTL	48,000,000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	213,000,000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Ngày 26 tháng 3 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trương Thị Hải Yến